

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 284/BC - TĐTĐ - P5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 - NĂM 2023**

Yên Bái, ngày 28 tháng 07 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		357.980.586.884	370.359.062.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	74.239.911.271	109.112.407.311
111	1. Tiền		11.639.911.271	79.112.407.311
112	2. Các khoản tương đương tiền		62.600.000.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	5.800.000.000	95.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.800.000.000	95.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		272.712.450.800	157.022.463.066
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		204.837.625.668	136.826.747.355
132	2. Trả trước cho người bán		51.316.451.228	352.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		15.000.000.000	17.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.387.640.408	4.476.557.709
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.829.266.504)	(1.633.341.998)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.275.342.528	4.071.441.749
141	1. Hàng tồn kho		4.275.342.528	4.071.441.749
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		952.882.285	4.652.750.109
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		73.200.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	4.652.750.109
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	879.682.285	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.183.788.663.543	1.224.144.606.926
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
215	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		902.918.659.851	936.602.839.964
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	886.035.283.770	919.952.702.833
222	- Nguyên giá		2.578.082.439.176	2.575.632.618.257
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.692.047.155.406)	(1.655.679.915.424)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	16.883.376.081	16.650.137.131
228	- Nguyên giá		23.111.541.618	22.445.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.228.165.537)	(5.795.185.269)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.037.841.032	5.982.088.847
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.037.841.032	5.982.088.847
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		165.201.126.196	165.411.939.388
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.032.126.196	84.242.939.388
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		106.631.036.464	116.147.738.727
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.849.787.087	4.173.232.820
269	2. Lợi thế thương mại		103.781.249.377	111.974.505.907
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.541.769.250.427	1.594.503.669.161

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		180.483.324.491	220.194.724.418
310	I. Nợ ngắn hạn		105.483.324.491	115.194.724.418
			-	-
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.688.516.070	5.777.719.983
312	2. Người mua trả tiền trước		433.367.517	432.475.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	29.580.981.266	27.300.206.576
314	4. Phải trả người lao động		4.567.471.136	11.723.853.359
315	5. Chi phí phải trả	12	1.565.290.156	1.953.844.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	3.921.462.230	7.571.049.047
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		60.000.000.000	60.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.726.236.116	435.575.444
324	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		75.000.000.000	105.000.000.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		75.000.000.000	105.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.361.285.925.936	1.374.308.944.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.361.285.925.936	1.374.308.944.743
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		451.244.998.356	462.586.672.545
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		435.051.320.535	233.929.600.429
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.193.677.821	228.657.072.116
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		275.040.927.580	276.722.272.198
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.541.769.250.427	1.594.503.669.161

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế đến 30/06/2023	Lũy kế đến 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	82.789.012.739	180.972.101.784	239.459.550.235	348.443.532.016
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.789.012.739	180.972.101.784	239.459.550.235	348.443.532.016
11	4. Giá vốn hàng bán	17	38.459.936.968	48.443.696.909	84.980.431.388	94.649.531.345
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.329.075.771	132.528.404.875	154.479.118.847	253.794.000.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	3.612.866.317	2.180.691.556	5.763.754.223	3.557.550.816
22	7. Chi phí tài chính	19	2.468.219.179	4.173.683.064	5.169.452.056	9.124.575.116
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.468.219.179	4.173.683.064	5.169.452.056	9.124.575.116
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(411.404.456)	(186.490.794)	(210.813.192)	(190.282.913)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.118.746.887	12.308.208.590	26.923.770.235	24.371.189.411
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.943.571.566	118.040.713.983	127.938.837.587	223.665.504.047
31	12. Thu nhập khác	20	436.554.168	196.494.660	606.457.368	334.446.260
32	13 Chi phí khác	21	475.573.931	289.912.373	620.032.127	417.223.116
40	14 Lợi nhuận khác		(39.019.763)	(93.417.713)	(13.574.759)	(82.776.856)



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế đến 30/06/2023	Lũy kế đến 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.904.551.803	117.947.296.270	127.925.262.828	223.582.727.191
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.828.117.051	16.362.510.733	20.580.259.325	33.610.109.109
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.076.434.752</u>	<u>101.584.785.537</u>	<u>107.345.003.503</u>	<u>189.972.618.082</u>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		16.193.677.821	78.939.280.111	87.908.325.811	152.725.234.327
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.882.756.931	22.645.505.426	19.436.677.692	37.247.383.755
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		255	1.243	1.384	2.405
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu		255	1.243	1.384	2.405

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	30/06/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		127.925.262.828	223.582.727.191
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		45.664.580.130	48.106.489.709
03	- Các khoản dự phòng		1.195.924.506	(769.800.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.652.951.435)	(3.557.550.816)
06	- Chi phí lãi vay		5.169.452.056	9.124.575.116
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		174.302.268.085	276.486.441.200
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(65.005.611.625)	(49.608.226.420)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(203.900.779)	(214.006.081)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.673.597.744)	(548.797.399)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.250.245.733	800.038.677
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.471.506.850)	(10.008.037.818)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.065.465.385)	(11.117.845.410)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.695.351.000)	(3.203.718.328)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.437.080.435	202.585.848.421
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(57.089.249.524)	(250.518.402)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.010.404	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.800.000.000)	(150.640.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		97.500.000.000	63.324.003.735
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.334.784.955	1.770.732.334
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		40.045.545.835	(85.795.782.333)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.000.000.000)	(53.931.007.496)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(116.355.122.310)	(63.491.232.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(146.355.122.310)	(117.422.239.496)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023 VND	30/06/2022 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(34.872.496.040)	(632.173.408)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		109.112.407.311	94.607.135.889
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>74.239.911.271</u>	<u>93.974.962.481</u>

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- * Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
- * Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)
Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- * Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

1.6 . Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30/06/2023 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

- Công ty liên kết

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

02
 ÔNG
 Ô P
 IUY
 HÁ
 V B I N

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho

49
Y
ÂN
Đ
B
T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4049
CÔNG TY
HẠN
DIỆ
C B I
4-T.Y.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bàn Xèo 1, xã Bàn Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty mua Công ty Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	365.731.766	453.237.209
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.274.179.505	78.659.170.102
Các khoản tương đương tiền (*)	62.600.000.000	30.000.000.000
	<u>74.239.911.271</u>	<u>109.112.407.311</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND đến ngày 30/06/2023 tại ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng đến dưới 3 tháng và hưởng lãi suất tương ứng từ 4,75%/năm đến 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

a	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Ngắn hạn				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (**)	5.800.000.000	5.800.000.000	95.500.000.000	95.500.000.000
-	Trái phiếu	-	-	-	-
-	Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
		5.800.000.000	5.800.000.000	95.500.000.000	95.500.000.000

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 185 ngày và hưởng lãi suất 8,5%/năm.

b	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Công ty Cổ phần Thủy điện				
-	Thái An (***)	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
	Công ty Cổ phần Nhiệt điện				
-	Hải Phòng (****)	32.619.000.000	47.100.000.000	32.619.000.000	39.000.000.000
		81.169.000.000	47.100.000.000	81.169.000.000	39.000.000.000

(***) Tại ngày 30/06/2023, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(****) Tại ngày 30/06/2023, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 6 năm 2023 là 15.700 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2022: 13.000 VND/cổ phiếu).

c Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

Giá trị đầu tư	
Số 01/01/2023	84.652.890.000
- Tăng trong năm	-
Lũy kế đến 30/06/2023	84.652.890.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	
Số 01/01/2023	(409.950.612)
- Phần lỗ từ công ty liên kết	(210.813.192)
Lũy kế đến 30/06/2023	(620.763.804)
Giá trị còn lại	
Số 01/01/2023	84.242.939.388
Lũy kế đến 30/06/2023	84.032.126.196

5 PHẢI THU KHÁC

a	Ngắn hạn	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.455.000.000	-	-	-
	Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	157.493.147	-	1.198.564.975	-
	Phải thu người lao động	227.944.225	-	415.979.815	-
	Ký quỹ, ký cược	-	-	97.155.477	-
	Phải thu khác	2.547.203.036	-	2.764.857.442	-
		4.387.640.408	-	4.476.557.709	-
b	Dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		-	
Nguyên liệu, vật liệu	3.597.957.350		3.628.206.745	
Công cụ, dụng cụ	342.191.312		228.926.046	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	335.193.866		214.308.958	
	4.275.342.528		4.071.441.749	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	879.682.285	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	879.682.285	-

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Quý 2 năm 2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	1.345.819.754.191	1.191.854.794.376	30.219.666.724	6.787.849.466	950.553.500	2.575.632.618.257
Mua sắm	-	959.308.182	-	-	-	959.308.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	2.175.604.415	-	2.175.604.415
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(645.791.678)	-	-	(685.091.678)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	1.345.819.754.191	1.192.774.802.558	29.573.875.046	8.963.453.881	950.553.500	2.578.082.439.176
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	619.536.552.941	1.011.367.532.616	18.501.529.560	5.342.671.997	931.628.310	1.655.679.915.424
Trích khấu hao	20.225.228.240	15.573.576.197	931.171.634	306.623.203	1.744.058	37.038.343.332
Tặng khác	13.988.328	-	-	-	-	13.988.328
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(645.791.678)	-	-	(685.091.678)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	639.775.769.509	1.026.901.808.813	18.786.909.516	5.649.295.200	933.372.368	1.692.047.155.406
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	726.283.201.250	180.487.261.760	11.718.137.164	1.445.177.469	18.925.190	919.952.702.833
Tại ngày 30/06/2023	706.043.984.682	165.872.993.745	10.786.965.530	3.314.158.681	17.181.132	886.035.283.770

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.558.322.400	1.887.000.000	22.445.322.400
Mua sắm	-	666.219.218	666.219.218
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	20.558.322.400	2.553.219.218	23.111.541.618
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	5.160.647.758	634.537.511	5.795.185.269
Trích khấu hao	205.576.608	227.403.660	432.980.268
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	5.366.224.366	861.941.171	6.228.165.537
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	15.397.674.642	1.252.462.489	16.650.137.131
Tại ngày 30/06/2023	15.192.098.034	1.691.278.047	16.883.376.081

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	6.152.848.066	3.407.763.107
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	241.972.148	241.972.148
Dự án nâng cấp thiết bị thông gió - NMTĐ Thác Bà	57.775.643	57.775.643
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn - NMTĐTB	127.777.778	127.777.778
Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà	-	1.962.682.407
Nhà trực đập Bản Xèo	315.077.764	184.117.764
Dự án nâng cấp đường mặt đập chính nhà máy Thủy điện Thác Bà	295.339.091	-
Mường hum mở rộng	1.847.050.542	-
	9.037.841.032	5.982.088.847

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	3.441.176.355	19.198.245.614	14.606.139.644	8.033.282.325
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.255.062.941	20.580.259.325	19.065.465.385	19.769.856.881
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	3.288.406.500	3.288.406.500	-
Thuế Tài nguyên	3.193.403.891	19.810.068.473	21.264.557.607	1.738.914.757
Thuế Thu nhập cá nhân	2.410.563.389	334.245.105	3.624.490.779	(879.682.285)
Các loại thuế khác	-	526.510.110	487.582.807	38.927.303
	27.300.206.576	63.737.735.127	62.336.642.722	29.580.981.266

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a	Ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	1.565.290.156	1.867.344.950
	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

	Mua sắm Tài sản cố định	-	-
	Chi phí phải trả khác	-	86.500.000
		<u>1.565.290.156</u>	<u>1.953.844.950</u>
b	Dài hạn		
c	Lợi thế thương mại		
			Đơn vị tính: VNĐ
			Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum
	Nguyên giá:		
	Tại ngày 01/01/2023		111.974.505.907
	- Tăng trong năm		-
	Lũy kế đến 30/06/2023		111.974.505.907
	Phân bổ lũy kế:		
	Tại ngày 01/01/2023		-
	- Phân bổ trong năm		8.193.256.530
	Lũy kế đến 30/06/2023		8.193.256.530
	Giá trị còn lại		
	Tại ngày 01/01/2023		111.974.505.907
	Lũy kế đến 30/06/2023		103.781.249.377
			-
13	. PHẢI TRẢ KHÁC		
a	Ngắn hạn	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	94.112.850	10.388.900
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	197.041.749	184.141.749
	Phí dịch vụ Môi Trường Rừng	3.033.862.416	4.598.590.860
	Phải trả, phải nộp khác	596.445.215	2.777.927.538
		<u>3.921.462.230</u>	<u>7.571.049.047</u>
b	Dài hạn		
c	Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
14	. VỐN CHỦ SỞ HỮU		
a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	276.722.272.198	462.586.672.545	1.374.308.944.743
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	19.436.677.692	87.908.325.811	107.345.003.503
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.118.022.310)	(95.250.000.000)	(116.368.022.310)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	635.000.000.000,00	-	-	275.040.927.580	451.244.998.356	1.361.285.925.936

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

b) Các quỹ công ty		
	30/06/2023	01/01/2023
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	-	-
15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	128	141
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	80.240.417.025	234.304.855.146
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.548.595.714	5.154.695.089
	82.789.012.739	239.459.550.235
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	37.593.270.440	83.088.219.421
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	866.666.528	1.892.211.967
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	38.459.936.968	84.980.431.388
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.157.866.317	4.308.754.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.455.000.000	1.455.000.000
	3.612.866.317	5.763.754.223
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.468.219.179	5.169.452.056
	2.468.219.179	5.169.452.056
	-	-
20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.057.637.717	1.988.978.815
Chi phí nhân công	8.837.594.719	18.517.760.419
Chi phí khấu hao	17.358.552.325	37.471.323.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.139.464.277	3.553.020.372
Chi phí khác	23.133.287.253	50.494.003.325
	52.526.536.291	112.025.086.531



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	508.237.547	1.082.069.552
Chi phí nhân công	3.760.354.192	7.738.945.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	761.791.704	1.513.229.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.768.497.845	2.516.522.703
Chi phí khác bằng tiền	7.319.865.599	14.073.002.246
	14.118.746.887	26.923.770.235

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2 năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.828.117.051	20.580.259.325
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.828.117.051	20.580.259.325

23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	80.240.417.025	176.222.633.475
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	73.665.689.610	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	28.575.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	54.545.455	40.909.091
	Doanh thu khác		60.000.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty trong cùng tập đoàn	163.636.364	-
Đông Dương	Doanh thu tài chính		263.013.699	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	Doanh thu bán điện	Bên liên quan với cổ đông lớn	45.573.899.016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

		Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			170.147.984.873	132.262.505.556
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn		170.087.984.873	132.262.505.556
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết		60.000.000	-
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn		180.000.000	235.000.000
Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Doanh thu bán điện	Bên liên quan với cổ đông lớn	27.397.488.544	-
Phải thu ngắn hạn khác			15.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn		44.383.560	29.342.464
Phải thu về cho vay			15.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn		15.000.000.000	17.000.000.000
<i>Trong đó:</i>				
- Cho vay ngắn hạn			15.000.000.000	17.000.000.000

25 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 2/2023 với Quý 2/2022 tại BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2023 đạt 28.076.434.752 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2022 đạt 101.584.785.537 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2023 so với Quý 2/2022 của Báo cáo tài chính hợp nhất giảm 73.508.350.785 đồng là do các nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2023 so với Quý 2/2022 trên BCTC riêng của Công ty giảm 51.345.029.094 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 68.096.061.856 đồng là do Doanh thu hoạt động điện giảm 66.681.066.897 đồng so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân là do mực nước hồ đầu kỳ Quý 2/2023 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 1m (giảm 2%), lưu lượng nước về hồ bình quân Quý 2/2023 giảm 136,7m³/s (giảm 64%) dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 2/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 là 35,5 triệu kWh (giảm 39%). Đồng thời, giá bán điện bình quân Quý 2/2023 là 614 đ/kWh giảm so với cùng kỳ năm 2022 do giá bán điện theo hợp đồng (Pc) giảm, sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng và sản lượng điện giao nhận giảm. Doanh thu hoạt động dịch vụ giảm 2.200.872.595 đồng (giảm 46%) so với cùng kỳ năm 2022 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 2/2023 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 534.510.128 đồng (tăng 13%) so với cùng kỳ năm 2022 do trong Quý 2/2023 Công ty phát sinh tăng doanh thu từ cổ tức được chia từ công ty con và các đơn vị nộp về. Doanh thu khác Quý 2/2023 tăng 251.367.508 đồng (tăng 66%) so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 3.575.877.970 đồng (giảm 10%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 và ảnh hưởng của một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 13.175.154.792 đồng (giảm 88%) so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 2/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 2/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 2/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023

2. Lợi nhuận sau thuế Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng lớn bởi doanh thu, chi phí, Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2/2023 của công ty con vào Nhóm công ty, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 29,10 tỷ đồng (giảm 38,6%) so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do Quý 2/2023, tình hình thủy văn không thuận lợi so với Quý 2/2022, dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 là 27,18 triệu kWh, dẫn đến doanh thu điện thương phẩm giảm 29,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu tài chính tăng 205,02 triệu đồng do vốn lưu động bình quân tháng trong Quý 2/2023 cao hơn cùng kỳ năm 2022 dẫn đến lãi tiền gửi Có kỳ hạn Quý 2/2023 và lãi tiền cho vay tăng so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 6,81 tỷ đồng (giảm 24,5%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng điện thương phẩm giảm dẫn đến thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng giảm.

- Thuế TNDN Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 359,23 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty con trong Quý 2/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 2/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 làm giảm thuế TNDN Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022.

404
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC BÀ
-T.YẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2023



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

